TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐT&BĐCLGD

THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA ĐẠI HỌC ĐH16+17+18 HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ tuần 43 (Từ ngày 25/5/2026 đến ngày 31/5/2026)

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7					
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
19HLTT1 (BD)	TTCS2	Triết học B201				Triết học B201					Tiếng Anh tổng quát A102					Tiếng Anh tổng quát A104 Học tiết 1-KT	Tâm lý ĐC B202		TTCS2											
19HLTT2 (BD)									TTCS2										TTCS2											
19HLTT3 (BD)	TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102					TTCS2							TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102											
19HLTT4 (BD)	Triết học B201					TTCS2	Triết học B201					Tâm lý ĐC B202																			
19HLTT5 (BD)				TTCS2							TTCS2						Tiếng Anh tổng quát A102					Tiếng Anh tổng quát A103 Học tiết 3-KT									
19HLTT6 (BD)				TTCS2															TTCS2											
19HLTT7 (BD)		Tiếng Anh tổng quát A103				TTCS2	Tâm lý ĐC B202					Triết học B201				TTCS2					Triết học B201		Tiếng Anh tổng quát A103								
19HLTT8 (BC)									TTCS2										TTCS2											
19HLTT9 BC		Tiếng Anh tổng quát A102				TTCS2					Tiếng Anh tổng quát A103											TTCS2								
19HLTT10 BC				TTCS2					Triết học B201							Tâm lý ĐC B202	TTCS2		Triết học B201					TTCS1						
19HLTT11 BC			TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103							TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103									TTCS2										
19HLTT12 BC		TTCS2																						TTCS2						
19HLTT13 BC+BR							TTCS2					Tiếng Anh tổng quát A102					TTCS2				Tâm lý ĐC B202			Tiếng Anh tổng quát A102 Học tiết 7-KT						
19HLTT14 CL		TTCS2				Triết học B101										Triết học B201	TTCS2													
19HLTT15 CL		TTCS2						Tiếng Anh tổng quát A102										TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103 Học tiết 7-KT											
19HLTT16 VO				Triết học B201		Tâm lý ĐC B202			TTCS2								Triết học B201							TTCS2						
19HLTT17 VO+BB									TTCS2		Tiếng Anh tổng quát A104										Tiếng Anh tổng quát A102 Học tiết 1-KT									
19HLTT18 ĐK	TTCS2																													
19HLTT19 ĐK+KHVĐ	TTCS2-KHVĐ			TTCS2-ĐK					Tiếng Anh tổng quát A104		Triết học B201							Tiếng Anh tổng quát A103				Tâm lý ĐC B202			Triết học B202					
19HLTT20 BƠI			TTCS2													TTCS2														
19HLTT21 BƠI+PIC			TTCS2-BƠI			Tiếng Anh tổng quát A102					Tâm lý ĐC B202	TTCS2-Pic				Tiếng Anh tổng quát A102 Học tiết 1-KT		Triết học B202			TTCS2-Bơi	TTCS2-Pic	Triết học B202							
19HLTT22 TD	TTCS2																				TTCS2									
19QLTDTT1						Thi TTCN2																								

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
19QLTDTT2	Thi TTCN2																													
19QLTDTT3											Thi TTCN2																			
K4GDTC1 (VLVH)	TTCS1 BƠI+BĐ+ CL							TTCS1 BƠI	TTCS1 BĐ+CL		TTCS1 PIC					TTCS1 BĐ+PIC+ CL		TTCS1 BƠI	TTCS1 PIC		TTCS1 PIC+CL KT		TTCS1 BƠI-KT						
K4GDTC2 (VLVH)																														
K4GDTC3 (VLVH)																														
19GDTC																														
Sinh viên lớp 19HLTT(VĐV) - Lớp 1 có số thứ tự từ 01 đến 30; 19HLTT(VĐV) - Lớp 2 có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
19HLTT (VĐV) Lớp 1	Điền kinh 2-KT			Thi Điền kinh 2		CNHL2 (VT+BC+BĐ)			Thi Thể dục 2		CNHL2 (VT+BC+BĐ)						Thi Vệ sinh TDTT C301		Thi Kinh tế chính trị C301		CNHL2 (VT+BC)					CNHL2 (VT+BC+BĐ)			CNHL2 BĐ	
19HLTT (VĐV) Lớp 2	Điền kinh 2								Thi Thể dục 2																					
K4HLTT (VĐV)	Tin học & UDCNS A204			Thi Thể dục 2				Tin học & UDCNS A204								Tin học & UDCNS A204 Học tiết 1	Thi Vệ sinh TDTT C202		Thi Kinh tế chính trị C202					Thi Tin học & UDCNS A204					
16/9	Thi LT TTCS7 ĐK-B301 VT-B302		Thi Dinh dưỡng và Hồi phục trong TT B301																											
Sinh viên lớp 17/10A có số thứ tự từ 01 đến 30; lớp 17/10B có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
17/10A	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)				GYM	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)		GYM						GYM		Thi QLHCNN B302	Thi LL&PP HLTT2 B302	GYM			Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)		GYM			GYM-KT			Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ) KT
17/10B			GYM							GYM	GYM									GYM							GYM-KT		
Sinh viên lớp 18/9A có số thứ tự từ 01 đến 34; lớp 18/9B có số thứ tự từ 35 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
18/9A	Bơi		Cầu lông		LL&PP HLTT1 B201	LT Bơi B302		Cầu lông		LL&PP HLTT1 B201	Bơi				LT Bơi B201	Bơi		LT Cầu lông B301 Học tiết 567		LT TTCS4 ĐK-A102 BƠI-A103 BC-B201 VT-B202	Cầu lông		Bơi		LL&PP HLTT1 B201	Bơi		LT TTCS4 ĐK-A102 BƠI-A103 BC-B201 VT-B202		
18/9B																					Cầu lông					Bơi				